TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18- 6 - 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH LÀO CAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Sầm Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Duy Bình và ông Hồ Trọng Trung.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tráng Kháy Phìn - Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà*:** Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lục Thị G, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai - Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ, năm sinh 1996

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 4 năm 2025; bản tự khai ngày 22 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lục Thi G1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thị G và anh Hoàng Văn Đ tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2015, không đăng ký kết hôn. Đến ngày 03/11/2016, vợ chồng chị đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, mỗi người một suy nghĩ khác nhau, quá trình chung sống vợ chồng chị có quá nhiều sự khác biệt nên không thông cảm được với nhau được, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày. Cuộc sống vợ chồng cứ thế mà nhạt dần, chung sống không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng chị trầm trọng vào cuối năm 2024,

anh chị đã cãi chửi nhau nên không chung sống với nhau nữa. Từ cuối năm 2024 đến nay vợ chồng chị sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Lục Thị G và anh Hoàng Văn Đ có 02 người con chung là cháu Hoàng Gia P, sinh ngày 24/9/2016 và cháu Hoàng Gia A, sinh ngày 23/8/2021. Hiện nay cháu P đang ở cùng với anh Đ, cháu A đang ở cùng với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Gia A; giải quyết cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Gia P cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Về điều kiện nuôi con khi ly hôn: Chị G nghề nghiệp là tự do, trồng trọt chăn nuôi tại gia đình và đi làm thuê, thu nhập được 5.000.000 đồng/tháng nên chị G đủ điều kiện nuôi con khi ly hôn.

- Về tài sản và công nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị G không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

2. Ý kiến của bị đơn anh Hoàng Văn Đ: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt trực tiếp hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho anh Hoàng Văn Đ. Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử anh Hoàng Văn Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lục Thị G; không có mặt theo giấy triệu tập, không đến Tòa án giải quyết vụ án. Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa thì tại bản tự khai ngày 01 tháng 6 năm 2025 và bản tự khai ngày 13 tháng 6 năm 2025, anh Hoàng Văn Đ trình bày ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn Đ và chị Lục Thị G tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn. Ngày 03/11/2016, anh chị đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, mỗi người một suy nghĩ khác nhau, quá trình chung sống không thông cảm được với nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, cuộc sống vợ chồng nhạt dần, chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất vào cuối năm 2024, vợ chồng cãi chửi nhau nên không chung sống với nhau nữa. Từ cuối năm 2024 đến nay, vợ chồng anh sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị Lục Thị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị Lục Thị G, hai bên gia đình nội ngoại cũng chưa hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, con cái của anh chị còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả bố và mẹ.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh có hai người con chung là cháu Hoàng Gia P, sinh ngày 24/9/2016 và cháu Hoàng Gia A, sinh ngày 23/8/2021. Hiện nay cháu P đang ở cùng với anh Đ, cháu A đang ở với chị G tại thôn B M, xã M, huyện V, tỉnh Lào Cai. Trường hợp phải ly hôn, anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Gia P; giải quyết cho chị Lục Thị G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Gia A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.Về điều kiện nuôi con khi ly hôn: Anh Đ làm nghề tự do, công việc cụ thể là đóng hàng hóa, thu nhập được 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng/tháng nên anh Đ đủ điều kiện nuôi con khi ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

3. Tại Biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 28/5/2025, cháu Hoàng Gia P trình bày: Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn thì cháu ở với bố cháu hoặc mẹ cháu đều được.

Quá trình giải quyết vụ án, chị G đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

4. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Thẩm quyền thụ lý vụ án, mối quan hệ tranh chấp đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý cho đương sự và cho Viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 195, 196; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến Điều 99. Tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải đúng theo quy định tại các Điều 109, 207, 208, 209, 210, 211. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình quyết vụ án theo quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lục Thị G được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

- Về con chung: Chị Lục Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Gia A, sinh ngày 23/8/2021; anh Hoàng Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Gia P, sinh ngày 24/9/2016 cho

đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Lục Thị G và anh Hoàng Văn Đ không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Lục Thị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình.

Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lục Thị G yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với anh Hoàng Văn Đ có địa chỉ nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, người làm chứng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người làm chứng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; Khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lục Thị G và anh Hoàng Văn Đ là hợp pháp. Chị G và anh Đ tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ cuối năm 2015, không đăng ký kết hôn. Ngày 03/11/2016, anh chị đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, mỗi người một suy nghĩ khác nhau, quá trình chung sống vợ chồng có quá nhiều sự khác biệt nên không thông cảm được với nhau được, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, cuộc sống vợ chồng nhạt dần, chung sống không hạnh phúc, từ cuối năm 2024 đến nay anh chị sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Anh Đ và chị G đã xác nhận về mâu thuẫn vợ chồng; người làm chứng và chính quyền địa phương đã xác nhận về tình trạng hôn nhân của anh chị. Nay chị G xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Đ. Anh Đ không đồng ý ly hôn với chị G vì anh vẫn còn tình cảm với chị G, hai bên gia đình nội ngoại cũng chưa hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, con cái của anh chị còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả bố và mẹ.

Nhận thấy, thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân đã lâu, bản thân anh Đ không có cách nào hàn gắn tình cảm vợ chồng; kể từ khi thụ lý vụ án đến khi Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Đ đều vắng mặt không có lý do, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do, cho thấy anh Đ bỏ mặc, thờ ơ, không quan tâm đến tình trạng hôn nhân của anh chị. Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị G yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ là có căn cứ

nên Hội đồng xét xử cần căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lục Thị G được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Lục Thị G và anh Hoàng Văn Đ có hai người con chung là Hoàng Gia P, sinh ngày 24/9/2016 và cháu Hoàng Gia A, sinh ngày 23/8/2021. Chị G và anh Đ đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị G được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hoàng Gia A; giải quyết cho anh Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Gia P cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị G và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Hoàng Gia P có ý kiến ở với bố hoặc mẹ đều được.

Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, chị G và anh Đ đều là lao động tự do, thu nhập được 5.000.000 đồng/tháng/người. Tại địa phương, mức nuôi dưỡng các con chung của anh chị là 1.000.000 đồng/tháng/cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Hoàng Gia A cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Hoàng Gia P cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Lục Thị G phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; Khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lục Thị G và anh Hoàng Văn Đ. Quan hệ hôn nhân của chị Lục Thị G và anh Hoàng Văn Đ chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Hoàng Gia A, sinh ngày 23/8/2021 cho chị Lục Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và giao cháu Hoàng Gia P, sinh ngày 24/9/2016 cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Lục Thị G và anh Hoàng Văn Đ, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Lục Thị G phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004257 ngày 22/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lào Cai. Chị Lục Thị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện V (2);
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã H,
huyện V, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sầm Thị Tươi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sầm Thị Tươi

Giải quyết yêu cầu cấp dưỡng ko được dưới ½ tháng lương tối thiểu

[5] Về quan hệ tài sản: Ngày 27/3/2017, chị D đã làm đơn đề nghị Toà án cho chị D được rút một phần đơn khởi kiện về quan hệ tài sản, việc rút một phần đơn khởi kiện về quan hệ tài sản của chị D là hoàn toàn tự nguyện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện về quan hệ tài sản của chị D đã rút trong vụ án hôn nhân gia đình. Nên Hội đồng xét xử không xem xét

giải quyết về quan hệ tài sản của chị D và anh D1 trong vụ án này **- Xem lại có đưa đoạn này vào bản án không**

Nếu xử giao con tuyên: Giao con chung cháu Sùng Văn M sinh ngày 14/7/2010 cho anh Sùng S Xênh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Chị Giàng Thị M1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.